

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04 – 3 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thị Sương

2. Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 540/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: ấp B, xã M, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện đang tạm trú: Ấp X, xã P, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp, xã M, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn Trần Minh T thống nhất trình bày:

Chị L và anh T cưới nhau vào năm 2016, hôn nhân do quen biết, hai bên tự nguyện với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2016 tại UBND xã P, huyện Tam

Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ ngày 19/12/2019 cho đến nay.

- Về con chung: Chị L và anh T thống trình bày có 02 người con chung Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 28/8/2016 và Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 15/6/2019, hiện nay do chị L nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh T thống trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nguyên nhân mất hạnh phúc:

- Chị L trình bày do anh T có người bạn gái bên ngoài nên yêu cầu ly hôn.

- Anh T trình bày do tính tình không phù hợp nên yêu cầu ly hôn.

+ Nay chị L yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi cháu Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 28/8/2016 và Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 15/6/2019; chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng; đối với cháu Khánh B chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Ý kiến của anh T:

- Về hôn nhân: Anh T yêu cầu ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh T yêu cầu nuôi hai cháu Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 28/8/2016 và Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 15/6/2019, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 19/02/2020.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy đăng kết hôn giữa chị Lê Thị L với anh Trần Minh T được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tam Bình cấp ngày 07/4/2016 thì chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Căn cứ vào bản sao Trích lục khai sinh được Ủy ban nhân dân xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình cấp ngày 07/9/2016 và ngày 18/6/2019 thì cháu Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 28/8/2016 và Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 15/6/2019 là con chung của chị L và anh T.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

+ Chị L và anh T đều thống nhất thuận tình ly hôn; về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị L và anh T đều có yêu cầu nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện*:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thỏa thuận này của chị L và anh T.

- Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi hai cháu Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 28/8/2016 và Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 15/6/2019 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Khánh N mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng. Đối với cháu Khánh B chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa anh T đồng ý giao hai cháu Khánh B và Khánh N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Khánh N mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh T giao hai cháu Khánh B và Khánh N cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi cháu Khánh N mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh T Phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L.

1.1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L với anh Trần Minh T.

1.2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của anh T đồng ý giao hai con chung là cháu Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 28/8/2016 và Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 15/6/2019 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện của anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Khánh N, sinh ngày 15/6/2019 mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Đối với cháu Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 28/8/2016 chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ hết vào số tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số N^o 0012319 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị L không phải nộp thêm

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và T có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã P, huyện Tam Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cảnh